

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2025/DS-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Bà Ngô Hồng Điệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị C, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: 1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước B, sinh năm: 1962 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2025 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Văn Thị C trình bày:

Bà và vợ chồng ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Cẩm L do quen biết nhau nên vào ngày 20/7/2020 bà có cho ông T và bà L vay số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm, năm mươi triệu đồng), ông T có viết giấy nợ và ký tên. Mục đích vay tiền để

làm ăn, khi vay không thể chấp tài sản gì cho bà. Thời hạn trả nợ thỏa thuận miệng là 01 tháng, lãi suất là 2%/tháng. Từ khi vay ông T và bà L có trả lãi cho bà được 01 năm đến ngày 20/7/2021 thì ngưng còn tiền gốc thì chưa trả. Năm nào bà cũng đòi nợ nhưng vợ chồng ông T toàn hứa hẹn và cố tình né tránh không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L liên đới hoàn trả số tiền gốc vay là 550.000.000đồng cùng với tiền lãi bà chỉ yêu cầu tính từ ngày 20/8/2021 đến ngày 20/10/2025 là 550.000.000đồng x 1.66%/tháng x 50 tháng = 456.500.000đồng, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày: Ông có quan hệ bà con xa với bà Văn Thị C. Ông vay của bà C nhiều lần tổng cộng là 550.000.000đồng, hai bên lập giấy nợ đúng như bà C trình bày, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả không thỏa thuận nhưng từ khi vay khoảng cách vài tháng sau đó bà C có yêu cầu trả nợ, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không có khả năng trả. Khi vay không thể chấp tài sản gì, mục đích ông vay để làm kinh doanh. Ông có trả tiền gốc và lãi cho bà C nhiều lần nhưng tổng cộng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ và cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng ông xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi hết số nợ và lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm L trình bày: bà là vợ ông Trần Ngọc T, ông T có hỏi vay bà Văn Thị C nhiều lần tổng cộng số tiền là 550.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, vợ chồng bà có ký tên vào giấy vay tiền vào ngày 20/7/2020, thời hạn trả không thỏa thuận nhưng từ khi vay khoảng cách vài tháng sau đó bà C yêu cầu vợ chồng bà trả số nợ này nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả. Khi vay không thể chấp tài sản gì, vợ chồng bà vay để làm kinh doanh. Vợ chồng bà có trả tiền lãi cho bà C nhiều lần nhưng tổng cộng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ và cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Bà cũng không yêu cầu điều tiết số tiền lãi vợ chồng bà đã trả vì bà C lấy lãi thấp.

Nay bà đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của bà C nhưng vợ chồng bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi hết số nợ. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước B trình bày:

Ông là chồng của bà Văn Thị C, bà C có cho vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L vay số tiền 550.000.000đồng, việc vay tiền do bà C trực tiếp thực hiện nên ông đồng ý để bà C đứng ra khởi kiện và có toàn quyền quyết định, ông không yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung:

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay, cần buộc vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L liên đới trả cho bà Văn Thị C số tiền 550.000.000đồng.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm.
- Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Văn Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 550.000.000đồng nên xác định quan hệ “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L có địa chỉ tại xã L, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, được pháp luật quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xét, bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Cẩm L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, bà Văn Thị C khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L trả số tiền vay 550.000.000đồng và yêu cầu tính từ ngày 20/8/2021 đến ngày 20/10/2025 là $550.000.000\text{đồng} \times 1.66\%/tháng \times 50\text{ tháng} = 456.500.000\text{đồng}$, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vay:

Các bên trình bày thống nhất ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L có vay của bà Văn Thị C số tiền là 550.000.000đồng, hợp đồng vay này được các bên thừa nhận, hai bên có làm giấy nợ do ông T viết và ký tên. Vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L xác định đã trả tiền gốc và lãi cho bà C nhiều lần tổng cộng số tiền bao nhiêu không nhớ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, ông T và bà L cũng thừa nhận bà C đã yêu cầu trả số nợ này nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả. Như

vậy, ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về phương thức trả nợ vay: ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi hết số nợ và lãi, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý, pháp luật cũng không có quy định trả dần trong trường hợp này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T và bà L, cần buộc ông T và bà L trả cho bà C số tiền là 550.000.000đồng.

[2.3] Về số tiền lãi: bà Văn Thị C yêu cầu vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L trả số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2021 đến ngày 20/10/2025 là 550.000.000đồng x 1.66%/tháng x 50 tháng = 456.500.000đồng. Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2020 thể hiện không thỏa thuận lãi suất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ (là 10%/năm). Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: 550.000.000đồng x 0.833%/tháng x 50 tháng = 229.075.000đồng. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, cần buộc vợ chồng ông T và bà L liên đới trả số tiền lãi cho bà C là 229.075.000đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà Văn Thị C đối với số tiền lãi 227.425.000đồng. Như vậy, ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Văn Thị C số tiền gốc vay và lãi tổng cộng là 779.075.000đồng.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Văn Thị C. Bà Văn Thị C phải chịu án phí đối với yêu cầu số tiền lãi không được chấp nhận là 227.425.000đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1].Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị C về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L.

Buộc ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Văn Thị C số tiền gốc và lãi tổng cộng là 779.075.000đồng (bảy trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[2]. Không chấp nhận yêu cầu của bà Văn Thị C đối với số tiền lãi 227.425.000đồng.

[3]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Buộc ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Cẩm L phải liên đới chịu 35.163.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Buộc bà Văn Thị C phải chịu 11.371.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 21.093.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008612 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Văn Thị C được hoàn lại số tiền 9.722.000đồng.

[5]. Thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[6]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung